

Số: /HD-SVHTTDL

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

HƯỚNG DẪN

Thực hiện nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Thực hiện Hướng dẫn số 1984/HD-BVHTTDL ngày 14 tháng 4 năm 2026 về thực hiện nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện các nội dung tiêu chí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:

A. NỘI DUNG 5.1.2 “XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA”

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THỰC HIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ

- Luật Thư viện số 46/2019/QH14;
- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;
- Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện Hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;
- Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về Quy định quản lý và tổ chức Lễ hội;
- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện;
- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;
- Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về Quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể

và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là định mức ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT);

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (sau đây gọi tắt QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD);

- Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn;

- Thông tư số 24/2025/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ VHTTDL quy định về hệ thống truyền thông cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin- viễn thông;

- Hướng dẫn số 1467/BVHTTDL-GĐ ngày 13 tháng 5 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về phê duyệt danh sách các nhóm xã để thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố;

- Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của UBND thành phố về ban hành Bộ tiêu chí về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VÀ HỒ SƠ MINH CHỨNG

1. Đối với xã nhóm 1

1.1. Về cơ sở vật chất văn hóa

a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã được xác định đạt chuẩn khi đảm bảo các yêu cầu sau:

- Được quy hoạch, xây dựng tại vị trí trung tâm, tách biệt với trụ sở cơ quan hành chính; thuận lợi để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí; bảo đảm người dân trong vùng dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

- Thiết kế có kiến trúc phù hợp với bản sắc văn hóa địa phương và không gian văn hóa truyền thống; có quy mô xây dựng, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị và hệ thống các phòng chức năng đồng bộ, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của thiết chế văn hóa, thể thao.

- Diện tích: đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; nội dung 2.3.2, 2.3.3, 2.16.6 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Cụ thể: Diện tích đảm bảo tối thiểu của theo quy mô dân số dưới 5.000 người từ 500m² - 1000m²; dân số trên 5.000 người từ 1000m² - 3000m²¹; nội dung chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu cho Trung tâm văn hóa - Thể thao là 5.000m² (đối với những nơi có quỹ đất hạn chế cho phép áp dụng chỉ tiêu sử dụng đất Trung tâm văn hóa - Thể thao tối thiểu là 2.500m²/công trình)². Như vậy, diện tích tối thiểu cần đạt là từ 500m² - 3.000m²/công trình (tính theo quy mô dân số).

- Có hội trường đa năng và các phòng chức năng cơ bản như: hành chính; văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền lưu động³; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; phòng tập các môn thể thao đơn giản. Có ít nhất 01 công trình thể dục, thể thao như sân vận động⁴, nhà tập luyện thể thao⁵, bể bơi hoặc hồ bơi⁶ và các sân thể thao đơn giản⁷ khác; có hệ thống công trình phụ trợ thiết yếu như: công trình vệ sinh, cấp nước, khu để xe, vườn hoa, cây xanh đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Có trang thiết bị phục vụ hoạt động gồm: âm thanh, ánh sáng, thông, màn sân khấu, khánh tiết, bàn ghế, nhạc cụ, đạo cụ, phục trang biểu diễn; các công cụ, kỹ thuật số giúp sáng tạo, lưu trữ, phát hành và quảng bá sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, truyền thông trên môi trường số; dụng cụ, thiết bị tập luyện thể dục, thể thao chuyên dùng trong nhà và ngoài trời đảm bảo theo công trình và từng môn thể thao; dụng cụ vui chơi giải trí cho trẻ em gắn với quảng trường, công viên, thiết chế văn hóa cơ sở, các điểm tập thể thao và tại các khu đô thị, khu dân cư, thôn, tổ dân phố và tương đương và các thiết bị cần thiết khác theo điều kiện thực tế.

b) Thư viện công cộng cấp xã

- Thư viện công cộng cấp xã bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật Thư viện số 46/2019/QH14, Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

- Diện tích bảo đảm không thấp hơn quy định tại nội dung 2.16.6.3 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD, đáp ứng yêu cầu về bảo quản tài nguyên thông tin, khu vực phục vụ, kho, phòng chuyên môn, nghiệp vụ và khu vệ sinh.

Cụ thể: Diện tích thư viện cấp xã tối thiểu đạt 200m²/công trình⁸ trở lên.

¹ Điều 4, Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017.

² Bảng 2.4, mục 2.3.3, mục 2.7.3 tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD.

³ Phòng Truyền thống diện tích 200m²/công trình; Hội trường ít nhất 100 chỗ/công trình (bảng 2.3.2, mục 2.16.6.3 tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD).

Ghi chú: Để tăng tính hiệu quả nên bố trí trong cùng nhóm công trình. Đặc biệt đây là diện tích tối thiểu nên khi quy hoạch và xây dựng, địa phương nên xây dựng Hội trường sức chứa từ 250 chỗ ngồi trở lên và đủ 5 phòng

⁴ Sân vận động: 6.000 - 7.000m² (Điều 7, Thông tư 01/2017/TT-BTNMT); Theo phân cấp các công trình: Sân vận động: tối thiểu 2.500m² (0,8m²/người) (Bảng 2.3, mục 2.3.2, Thông tư 01/2017/TT-BXD). Như vậy, Sân vận động cấp xã là 2.500 - 7.000m².

⁵Nhà thi đấu và nhà tập đa năng: 500 - 600m² (Điều 7, Thông tư 01/2017/TT-BTNMT).

⁶ Bể bơi: 500 - 600m² (Điều 7, Thông tư 01/2017/TT-BTNMT).

⁷ Sân thể thao cơ bản: Tối thiểu 1.000m² (0,6m²/người); (bảng 2.3, mục 2.3.2 Thông tư 01/2017/TT-BXD); sân tập thể thao đơn giản từ 200m² - 1.200m².

⁸ Quy định tại nội dung 2.16.6.3 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo

c) Không gian sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cộng đồng

- 100% thôn, tổ dân phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao, trong đó tối thiểu 70% đạt chuẩn; 100% khu đô thị mới có Nhà văn hóa - Khu thể thao, trong đó có 100% đạt chuẩn theo quy định.

- Nhà văn hóa-Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL. Diện tích đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Định mức ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT; nội dung 2.3.2, 2.3.3, 2.16.6 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD.

Cụ thể: Diện tích Nhà văn hoá đảm bảo theo quy định từ 200m² - 500m²⁹

- 100% thôn, tổ dân phố có điểm sinh hoạt cộng đồng¹⁰ được lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em.

- 100% Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn, tổ dân phố và các điểm sinh hoạt công cộng¹¹, có quy chế hoạt động, quản lý, khai thác và vận hành hiệu quả.

d) Hồ sơ minh chứng về cơ sở vật chất thiết chế văn hoá cơ sở

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lục bản đồ đo đạc (hoặc quy hoạch xây dựng Trung tâm văn hóa xã, Nhà văn hóa xã, khu thể thao, sân vận động xã).

- Nếu đang thực hiện xây dựng: Phải có hồ sơ xây dựng các công trình Trung tâm văn hóa- Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa- Khu thể thao cấp thôn, Thư viện cấp xã, các điểm vui chơi, giải trí của người già và trẻ em...(Trong đó bao gồm chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt vốn, báo cáo kinh tế - kỹ thuật...)

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về thực trạng, kết quả thực hiện khoản 1.1 về cơ sở vật chất văn hóa.

1.2. Về hoạt động văn hóa cơ sở

a) Hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã

- Có Quyết định thành lập, quy chế tổ chức, hoạt động và vận hành hiệu quả.

- Hàng năm, tổ chức hoặc tham gia tối thiểu từ 06 đến 08 hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động, thể dục, thể thao.

- Có từ 02 đến 04 đội, câu lạc bộ, nhóm sở thích (sau đây gọi chung là câu lạc bộ) được thành lập và hoạt động thường xuyên.

- Có mô hình hoạt động thể thao tiêu biểu, thu hút đông đảo người dân thường trú trên địa bàn tham gia.

Thông tư số 01/2021/TT-BXD.

⁹ Điều 4, Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

¹⁰ Công cộng như: Nhà văn hóa ấp, nhà truyền thống, câu lạc bộ, thư viện, trường học, trạm y tế, Trung tâm văn hóa, sân thể thao, cửa hàng dịch vụ trung tâm, điểm phục vụ bưu chính viễn thông (mục 2.16.6.1 TT 01/2017/TT-BXD).

b) Hoạt động thư viện

- Tổ chức phục vụ nhu cầu của người dân: tối thiểu 03 ngày/tuần.
- Tổ chức các hoạt động truyền thông thư viện và phát triển văn hóa đọc: tối thiểu 04 hoạt động/năm.
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện; kết nối, liên thông với thư viện công cộng thành phố.
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và các thiết chế văn hóa, giáo dục khác trên địa bàn tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân tại cơ sở.
- Tối thiểu 75% thôn có mô hình thư viện cộng đồng hoặc thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng hoặc không gian đọc, phòng đọc cơ sở đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định tại Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

c) Hoạt động Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và trong cộng đồng

- 100% Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn, tổ dân phố có ít nhất 01 CLB văn hóa, nghệ thuật và 01 CLB thể dục, thể thao hoạt động thường xuyên theo hướng dẫn của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, cụ thể:
 - + CLB thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, được cấp có thẩm quyền công nhận và được hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ;
 - + CLB được đầu tư trang thiết bị hoạt động phù hợp với loại hình hoạt động và hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn hợp pháp.
- 70% thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã có CLB văn hóa, văn nghệ hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

d) Hoạt động tập luyện thể dục, thể thao

Có tối thiểu 35% hộ gia đình và 45% người dân trên địa bàn xã tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.

đ) Hồ sơ minh chứng về hoạt động văn hóa cơ sở

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện khoản 1.2 về hoạt động văn hóa cơ sở.
 - *Cấp xã:*
 - + Quyết định thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Thư viện công cộng cấp xã.
 - + Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Thư viện công cộng cấp xã.
 - + Kế hoạch hoạt động hằng năm của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Thư viện công cộng cấp xã.
 - *Cấp thôn:*
 - + Quyết định thành lập Nhà văn hóa-Khu thể thao và các CLB ở thôn, tổ dân phố.

+ Quy chế tổ chức và hoạt động Nhà văn hóa-Khu thể thao và các CLB thôn, tổ dân phố.

1.3. Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

a) Xây dựng và thực hiện Hương ước, Quy ước ở thôn, tổ dân phố

100% hương ước, quy ước được xây dựng và thực hiện theo quy định pháp luật, có nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình.

b) Quản lý và tổ chức lễ hội

100% lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng và tổ chức đáp ứng điều kiện về môi trường văn hóa, hướng tới phát triển du lịch. *(Nếu trên địa bàn cấp xã không có lễ hội truyền thống, chỉ tiêu này không áp dụng để đánh giá).*

c) Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa theo quy định

- Có 85% trở lên thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.
- “Thôn, tổ dân phố văn hóa” phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng đối với các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” (sau đây gọi tắt là Nghị định 86/2023/NĐ-CP); Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”; Điều 59 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 129/2025/NĐ-CP); Điều 6, Điều 8 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 152/2025/NĐ-CP); Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa.

d) Phòng, chống bạo lực gia đình

- Tỷ lệ số vụ bạo lực gia đình hàng năm được phát hiện, giải quyết theo quy định pháp luật đạt từ 98% trở lên.
- Có mô hình phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động hiệu quả *(Theo Hướng dẫn số 1467/BVHTTDL-GĐ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).*

đ) Hồ sơ minh chứng về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả Mục 1.3 về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.
- Danh mục hương ước, quy ước của các thôn, tổ dân phố được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận *(Ban hành kèm theo Quyết định của UBND cấp xã).*

- Danh mục lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng. *(Danh mục lễ hội truyền thống; Báo cáo đánh giá quá trình bảo tồn, phục dựng).*

- Quyết định tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” của Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

1.4. Về di sản văn hóa

a) Lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

- **Chỉ tiêu:** 100% di tích cấp quốc gia trở lên (bao gồm di sản đã được UNESCO ghi danh, di tích quốc gia đặc biệt hoặc cụm di tích quốc gia tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý, có mối quan hệ mật thiết về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ) trên địa bàn (nếu có) hoàn thành việc lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Điều 34, Luật Di sản văn hóa năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP.

- **Giải thích từ ngữ:** Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là quy hoạch chi tiết ngành, xác định nội dung và các biện pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi các yếu tố gốc của di tích, định hướng tổ chức không gian trong khu vực di tích, các hạng mục công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 28 của Luật Di sản văn hóa¹².

- **Phương pháp đánh giá:** 100% di tích cấp quốc gia trở lên thuộc đối tượng phải lập quy hoạch đã có Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và Quyết định phê duyệt quy hoạch.

- **Công thức tính tỷ lệ:** Tỷ lệ = Số di tích đã được lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch/Số di tích phải lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch*100%

(Trường hợp không có di tích thuộc đối tượng phải lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn chỉ tiêu này không áp dụng để đánh giá).

- **Thời điểm đánh giá:** tính đến 31/12 năm xét công nhận

- **Hồ sơ minh chứng:** Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch; Hồ sơ công bố quy hoạch.

+ Trường hợp không có đối tượng phải lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích: Văn bản báo cáo, giải trình của UBND cấp xã¹³.

¹² **Khoản 1 và khoản 2 Điều 28 của Luật Di sản văn hóa quy định:**

“Điều 28. Sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình, thực hiện các hoạt động trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới

1. Trong khu vực bảo vệ I của di tích, khu vực di sản thế giới chỉ được sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình sau đây:

a) Sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình trực tiếp phục vụ bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di sản thế giới;

b) Sửa chữa, cải tạo, xây dựng lại nhà ở riêng lẻ trên cơ sở hiện trạng nhà ở riêng lẻ đã có.

13. Trong khu vực bảo vệ II của di tích, vùng đệm của khu vực di sản thế giới chỉ được sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình và thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình trực tiếp phục vụ bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di sản thế giới;

b) Sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ;

+ Danh mục di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn thuộc đối tượng phải lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch di tích (Theo mẫu 1.1)

+ Các biểu mẫu, phụ lục đánh giá (nếu có):

Mẫu 1.1 - Danh mục di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn thuộc đối tượng phải lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch di tích.

TT	Tên di tích	Cấp xếp hạng di tích	Địa điểm	Quyết định xếp hạng	Có thuộc đối tượng phải lập Quy hoạch	Đã có nhiệm vụ quy hoạch	Đã có quy hoạch được phê duyệt?	Ghi chú
	Đình làng A	Quốc gia	Thôn 1	123/QĐ-BVHTTDL ngày 10/5/2020	(Có/Không)	(Có/Không) - ghi số QĐ	(Có/Không) - ghi số QĐ	

b) Về tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích

- **Chỉ tiêu:** 95% di tích cấp quốc gia đặc biệt và 70% di tích cấp quốc gia trên địa bàn (nếu có) được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đáp ứng theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các điều kiện về môi trường.

+ Điều 35, 36 Luật Di sản văn hóa năm 2024

+ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP.

+ Thông tư số 06/2025/TT-BVHTTDL.

- **Giải thích từ ngữ:**

+ Tu bổ di tích là hoạt động nhằm tu sửa, gia cố, tôn tạo nhưng không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

+ Tôn tạo di tích là hoạt động nhằm tăng cường khả năng sử dụng, khai thác và phát huy giá trị nhưng không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

+ Phát huy giá trị di tích: Các hoạt động phát huy giá trị di tích được quy định tại Điều 26 Luật Di sản văn hóa¹⁴.

c) Sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình kinh tế - xã hội;

d) Sử dụng khu vực biên để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

đ) Thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội theo quy định của các luật chuyên ngành.”

Đối tượng phải lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích được quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Di sản văn hóa 2024.

¹⁴ **Điều 26. Hoạt động phát huy giá trị di tích**

Hoạt động phát huy giá trị di tích bao gồm:

1. Nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa về giá trị di tích; ứng dụng khoa học, công nghệ vào việc phát huy giá trị di tích;
2. Tuyên truyền, giáo dục, quảng bá, trưng bày, phổ biến, giới thiệu ở trong nước và nước ngoài về vai trò, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích;
3. Hướng dẫn, thuyết minh phục vụ khách tham quan;
4. Tổ chức hoặc liên doanh, liên kết tổ chức hoạt động du lịch, dịch vụ phục vụ công chúng tham quan, nghiên cứu, học tập tại di tích;

- Phương pháp đánh giá:

+ Có 95% di tích cấp quốc gia đặc biệt và 70% di tích cấp quốc gia trên địa bàn được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị.

+ Trong quá trình tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm theo Điều 9 Luật Di sản văn hóa năm 2024.

+ Trên địa bàn xã, nếu không có di tích quốc gia đặc biệt thì chỉ cần đạt 70% di tích quốc gia được tu bổ, tôn tạo và phát huy. Nếu không có di tích quốc gia thì chỉ cần đạt 95% di tích quốc gia đặc biệt. *(Trường hợp không có cả di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt thì chỉ tiêu này không áp dụng để đánh giá).*

- Công thức tính tỷ lệ: Tỷ lệ = Số di tích quốc gia (hoặc quốc gia đặc biệt) đã được tu bổ tôn tạo và phát huy/Tổng số di tích cấp quốc gia (hoặc quốc gia đặc biệt) trên địa bàn*100%.

- Hồ sơ minh chứng:

+ Danh mục di tích cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt trên địa bàn được tu bổ, tôn tạo và phát huy (Theo mẫu 1.2)

+ Văn bản báo cáo, giải trình của UBND cấp xã nếu không thuộc trường hợp có 95% di tích cấp quốc gia đặc biệt và 70% di tích cấp quốc gia trên địa bàn được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị.

+ Hồ sơ các di tích đã được tu bổ, tôn tạo và phát huy (Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; Văn bản thẩm định của cơ quan chuyên môn về di sản văn hóa (nếu thuộc diện phải thẩm định); Biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng).

+ Các biểu mẫu, phụ lục đánh giá (nếu có):

Mẫu 1.2 - Danh mục di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn được tu bổ, tôn tạo và phát huy.

TT	Tên di tích	Cấp xếp hạng di	Địa điểm	Quyết định xếp hạng	Năm tu bổ, tôn tạo	Hạng mục tu bổ	Hình thức phát huy giá trị	Ghi chú
1	Đình làng A	Quốc gia	Thôn 1	123/QĐ-BVHTTDL ngày 10/5/2020	2025	Sân vườn, hàng rào, bia biển	(ví dụ: mở cửa tham quan, in tờ rơi	

5. Phát triển sản phẩm, dịch vụ và tạo điều kiện để cộng đồng trên địa bàn có di tích tham gia phát triển sản phẩm, dịch vụ liên quan đến di tích;

6. Nghiên cứu, sưu tầm, trưng bày, giới thiệu tài liệu, hiện vật gắn với giá trị di tích;

7. Hoạt động văn hóa ở di tích; tổ chức thực hành, trình diễn, giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể gắn với di tích;

8. Trưng bày, triển lãm lưu động bên ngoài phạm vi di tích;

9. Hoạt động phát huy giá trị di tích khác theo quy định của pháp luật.

c) Chương trình giáo dục di sản văn hóa

- **Chỉ tiêu:** 100% di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) có chương trình giáo dục di sản văn hóa

- Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình tuyên truyền, học tập ngoại khóa để tìm hiểu giá trị về di sản văn hóa vật thể; di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu; giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- Thực hiện các chương trình trải nghiệm tìm hiểu về văn hóa, lịch sử địa phương và đất nước.

- Phương pháp đánh giá:

100% di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) được xây dựng nội dung và tổ chức chương trình giáo dục di sản văn hóa¹⁵. (Trường hợp trên địa bàn không có di tích được xếp hạng từ cấp quốc gia trở lên thì chỉ tiêu này không áp dụng để đánh giá).

- Hồ sơ minh chứng:

+ Báo cáo tóm tắt kết quả tổ chức Chương trình giáo dục di sản văn hóa ở địa phương (nêu rõ thời gian, địa điểm, đối tượng, số lượng người tham gia, nội dung).

+ Kế hoạch/Công văn triển khai Chương trình giáo dục di sản văn hóa và các văn bản khác có liên quan.

+ Ảnh, video minh họa (nếu có).

c) Tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- **Chỉ tiêu:** Định kỳ hàng năm, cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa trên địa bàn (nếu có) được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa: Hàng năm duy trì hoạt động tập huấn, bồi dưỡng có hệ thống cho cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa (nếu có) được tham gia hoặc tiếp cận; có mô hình, cách làm hiệu quả trong bảo tồn và phát huy di sản (ví dụ: Câu lạc bộ, sản phẩm du lịch cộng đồng...); có đánh giá, nhân rộng điển hình.

- Giải thích từ ngữ:

+ Cộng đồng: là chủ thể văn hóa, vừa là người sáng tạo, lưu giữ, truyền dạy, vừa là người trực tiếp tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Trong lĩnh vực di sản văn hóa, “cộng đồng” không phải là toàn bộ dân cư trên địa bàn, mà được hiểu theo nghĩa cộng đồng gắn bó trực tiếp với di sản, bao gồm:

+ Cộng đồng cư dân địa phương nơi có di sản (thôn, tổ dân phố).

+ Nhóm người thực hành, gìn giữ di sản, đặc biệt với di sản văn hóa phi vật

¹⁵ Xã có thể xây dựng một chương trình giáo dục di sản chung cho tất cả di tích trên địa bàn, miễn là nội dung bao quát được giá trị của từng di tích. Chương trình có thể lồng ghép vào hoạt động ngoại khóa của trường học hoặc sinh hoạt cộng đồng.

thể (nghệ nhân, người truyền dạy, dòng họ, phường, hội).

+ Các tổ chức cộng đồng tự quản liên quan đến di sản (*Ban Quản lý di tích, Hội đồng hương ước, dòng họ, giáo xứ*).

+ Chủ sở hữu di sản văn hóa: Là các tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu hợp pháp đối với di sản văn hóa.

- Phương pháp đánh giá:

+ Về tính hệ thống, thường xuyên: Tổ chức từ 01 lớp tập huấn/năm trở lên;

+ Về mức độ tham gia/tiếp cận: Các đối tượng liên quan được tham gia hoặc tiếp cận; Có hình thức tiếp cận mở rộng (*tài liệu, truyền thông, sinh hoạt cộng đồng*).

+ Về hiệu quả thực tiễn: Có ít nhất 01 mô hình, cách làm hiệu quả, như: Câu lạc bộ di sản; Mô hình du lịch cộng đồng gắn với di sản; Hoạt động mô hình được duy trì thực tế, không mang tính hình thức.

+ Về nhân rộng: Có mô hình được duy trì, chia sẻ hoặc nhân rộng trên địa bàn.

(*Nếu trên địa bàn không có di sản văn hóa hoặc không có cộng đồng/chủ thể liên quan thì chỉ tiêu này không áp dụng để đánh giá*).

- Hồ sơ minh chứng:

+ Báo cáo kết quả triển khai tiêu chí.

+ Kế hoạch, thông báo triệu tập tập huấn hàng năm của cấp có thẩm quyền.

+ Tài liệu tập huấn.

đ) Thực hành, truyền dạy trong gia đình và tổ chức truyền dạy trong cộng đồng đối với di sản văn hóa phi vật thể

- **Chỉ tiêu:** Định kỳ hàng năm, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO; danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể hoặc di sản văn hóa phi vật thể trong danh mục kiểm kê di sản văn hóa trên địa bàn thành phố của địa phương (*Gọi tắt là Di sản phi vật thể của địa phương*) được thực hành, truyền dạy trong gia đình và tổ chức truyền dạy trong cộng đồng, với sự tham gia của Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể di sản ít nhất 01 lần/năm.

- Điều 15, Luật Di sản văn hóa năm 2024.

- Điều 5, Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 215/2025/NĐ-CP.

- Điều 97 và Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP.

+ Đối với địa phương không có di sản văn hóa phi vật thể thì UBND cấp xã phải có biên bản với cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp thành phố rà soát, khẳng định tại địa phương không có di sản văn hóa phi vật thể.

(*Nếu địa phương không có di sản văn hóa phi vật thể, chỉ tiêu này không áp dụng để đánh giá*).

- Hồ sơ minh chứng về thực hành, truyền dạy trong gia đình và tổ chức truyền dạy trong cộng đồng đối với di sản văn hóa phi vật thể:

- + Kế hoạch, thông báo triệu tập tập huấn hàng năm.
- + Bản sao danh sách, số lượng người tham gia (Có chữ ký).
- + Tài liệu tập huấn.
- + Báo cáo kết quả tập huấn.

1.5. Về chuyển đổi số, dữ liệu số

a) Hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã được tin học hóa, chuyển đổi số.

- Chỉ tiêu:

- + Văn bản được xử lý trên môi trường mạng.
- + Tuyên truyền qua nền tảng số.
- + Số hóa dữ liệu quản lý.
- + Ứng dụng mã QR.
- + Báo cáo định kỳ số.

- Hồ sơ minh chứng về chuyển đổi số, dữ liệu số

- + Báo cáo trích xuất danh sách văn bản đi/đến lĩnh vực văn hóa từ phần mềm quản lý văn bản (HpNet) có chữ ký số.
- + Ảnh chụp màn hình các bài đăng về văn hóa, nghệ thuật trên Trang thông tin điện tử xã hoặc các nhóm Zalo cộng đồng.
- + File dữ liệu (Excel/PDF) danh sách quản lý: Gia đình văn hóa; Di tích; Nghệ nhân; Các CLB văn nghệ trên địa bàn.
- + Ảnh chụp thực tế bảng mã QR Code (niêm yết tại Nhà văn hóa hoặc Di tích) dùng để tra cứu thông tin văn hóa địa phương...

b) 100% các đơn vị hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn xã được tin học hóa, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ.

- Hồ sơ minh chứng về chuyển đổi số, dữ liệu số.

- + Báo cáo về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của các thiết chế văn hóa cấp xã và thôn (Kèm theo Ảnh chụp tivi/máy tính/modem Wi-Fi tại các Nhà văn hóa cấp xã, thôn; Ảnh chụp màn hình các nhóm hoạt động bằng ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử (qua Zalo, Facebook, các trang mạng xã hội khác (nếu có)) của 01-02 CLB văn nghệ tiêu biểu).
- + Danh sách các thiết bị văn hóa tại Trung tâm Văn hóa- Thể thao xã, Nhà văn hóa thôn được quản lý bằng dữ liệu trên hệ thống máy vi tính.

c) Xã có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và 100% thôn, tổ dân phố có cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin -viễn thông hoạt động.

- Giải thích từ ngữ:

+ Hệ thống truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông là đài truyền thanh cấp xã sử dụng phương thức truyền đưa tín hiệu âm thanh, dữ liệu trên hạ tầng viễn thông, Internet.

+ Cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông là một thành phần của hệ thống truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, được thiết kế để thu, phát các bản tin số thông qua hạ tầng viễn thông, Internet; kết nối với hệ thống thông tin nguồn thành phố để quản lý tập trung; được lắp đặt theo điều kiện thực tế để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân ở cơ sở.

- Phương pháp đánh giá:

+ Xã có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

+ 100% thôn, tổ dân phố có cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động.

- Hồ sơ minh chứng:

+ Báo cáo thống kê hiện trạng hoạt động hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông ở địa phương (địa điểm cụm thu, số lượng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động).

+ Kế hoạch đầu tư, lắp đặt, nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và các văn bản khác có liên quan.

1.6. Về nhân lực quản lý văn hóa

- Chỉ tiêu:

+ 100% cán bộ nghiệp vụ, cộng tác viên, người tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao, thư viện cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.

+ 100% người quản lý trực tiếp di sản văn hóa trên địa bàn xã được tập huấn về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Hồ sơ minh chứng về nhân lực quản lý văn hóa:

+ Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện các nội dung khoản 1.6

+ Danh sách lực lượng văn hóa, thể thao cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, có xác nhận của UBND cấp xã.

2. Đối với xã nhóm 2

2.1. Về cơ sở vật chất văn hóa

a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã được xác định đạt chuẩn khi đảm bảo các yêu cầu sau:

- Được quy hoạch, xây dựng tại vị trí trung tâm, tách biệt với trụ sở cơ quan hành chính; thuận lợi để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể

thao, vui chơi, giải trí; bảo đảm người dân trong vùng dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

- Thiết kế có kiến trúc phù hợp với bản sắc văn hóa địa phương và không gian văn hóa truyền thống; có quy mô xây dựng, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị và hệ thống các phòng chức năng đồng bộ, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của thiết chế văn hóa, thể thao.

- Diện tích: đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; nội dung 2.3.2, 2.3.3, 2.16.6 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Cụ thể: Diện tích đảm bảo tối thiểu của theo quy mô dân số dưới 5.000 người từ 500m² - 1000m² ; dân số trên 5.000 người từ 1000m² - 3000m² ¹⁶; nội dung chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu cho Trung tâm văn hóa - Thể thao là 5.000m² (đối với những nơi có quỹ đất hạn chế cho phép áp dụng chỉ tiêu sử dụng đất Trung tâm văn hóa - Thể thao tối thiểu là 2.500m²/công trình)¹⁷. Như vậy, diện tích tối thiểu cần đạt là từ 500m² - 3.000m²/công trình (tính theo quy mô dân số).

- Có hội trường đa năng và các phòng chức năng cơ bản như: hành chính; văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền lưu động¹⁸; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; phòng tập các môn thể thao đơn giản. Có ít nhất 01 công trình thể dục, thể thao như sân vận động¹⁹, nhà tập luyện thể thao²⁰, bể bơi hoặc hồ bơi²¹ và các sân thể thao đơn giản²² khác; có hệ thống công trình phụ trợ thiết yếu như: công trình vệ sinh, cấp nước, khu để xe, vườn hoa, cây xanh đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Có trang thiết bị phục vụ hoạt động gồm: âm thanh, ánh sáng, thông, màn sân khấu, khánh tiết, bàn ghế, nhạc cụ, đạo cụ, phục trang biểu diễn; các công cụ, kỹ thuật số giúp sáng tạo, lưu trữ, phát hành và quảng bá sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, truyền thông trên môi trường số; dụng cụ, thiết bị tập luyện thể dục, thể thao chuyên dùng trong nhà và ngoài trời đảm bảo theo công trình và từng môn thể thao; dụng cụ vui chơi giải trí cho trẻ em gắn với quảng trường, công viên, thiết chế văn hóa cơ sở, các điểm tập thể thao và tại các khu đô thị, khu dân cư, thôn, tổ dân phố và tương đương và các thiết bị cần thiết khác theo điều kiện thực tế.

b) Thư viện công cộng cấp xã

¹⁶ Điều 4, Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017.

¹⁷ Bảng 2.4, mục 2.3.3, mục 2.7.3 tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD.

¹⁸ Phòng Truyền thống diện tích 200m²/công trình; Hội trường ít nhất 100 chỗ/công trình (bảng 2.3.2, mục 2.16.6.3 tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD).

Ghi chú: Để tăng tính hiệu quả nên bố trí trong cùng nhóm công trình. Đặc biệt đây là diện tích tối thiểu nên khi quy hoạch và xây dựng, địa phương nên xây dựng Hội trường sức chứa từ 250 chỗ ngồi trở lên và đủ 5 phòng

¹⁹ Sân vận động: 6.000 - 7.000m² (Điều 7, Thông tư 01/2017/TT-BTNMT); Theo phân cấp các công trình: Sân vận động: tối thiểu 2.500m² (0,8m²/người) (Bảng 2.3, mục 2.3.2, Thông tư 01/2017/TT-BXD). Như vậy, Sân vận động cấp xã là 2.500 - 7.000m².

²⁰ Nhà thi đấu và nhà tập đa năng: 500 - 600m² (Điều 7, Thông tư 01/2017/TT-BTNMT).

²¹ Bể bơi: 500 - 600m² (Điều 7, Thông tư 01/2017/TT-BTNMT).

²² Sân thể thao cơ bản: Tối thiểu 1.000m² (0,6m²/người); (bảng 2.3, mục 2.3.2 Thông tư 01/2017/TT-BXD); sân tập thể thao đơn giản từ 200m² - 1.200m².

- Thư viện công cộng cấp xã bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật Thư viện số 46/2019/QH14, Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

- Diện tích bảo đảm không thấp hơn quy định tại nội dung 2.16.6.3 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD, đáp ứng yêu cầu về bảo quản tài nguyên thông tin, khu vực phục vụ, kho, phòng chuyên môn, nghiệp vụ và khu vệ sinh.

Cụ thể: Diện tích thư viện cấp xã tối thiểu đạt 200m²/công trình²³.

c) Không gian sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cộng đồng

- 100% thôn, tổ dân phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao, trong đó 70% đạt chuẩn.

- Nhà văn hóa-Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL. Diện tích đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Định mức ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT; nội dung 2.3.2, 2.3.3, 2.16.6 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD.

Cụ thể: Diện tích đảm bảo theo quy định 200m² - 500m² ²⁴

+ Tỷ lệ thôn có điểm sinh hoạt công cộng được lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em đạt $\geq 80\%$.

+ 100% Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn, tổ dân phố và các điểm sinh hoạt công cộng²⁵, có quy chế hoạt động, quản lý, khai thác và vận hành hiệu quả.

d) Hồ sơ minh chứng về hoạt động văn hóa cơ sở

+ Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về thực trạng, kết quả thực hiện khoản 2.1 về cơ sở vật chất văn hóa.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lục bản đồ đo đạc (hoặc quy hoạch xây dựng Trung tâm văn hóa xã, Nhà văn hóa xã, khu thể thao, sân vận động xã).

+ Nếu đang thực hiện xây dựng: Phải có hồ sơ xây dựng các công trình Trung tâm văn hóa- Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa- Khu thể thao cấp thôn, Thư viện cấp xã, các điểm vui chơi, giải trí của người già và trẻ em...(Trong đó bao gồm chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt vốn, báo cáo kinh tế- kỹ thuật...)

2.2. Về hoạt động văn hóa cơ sở

a) Hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã

- Có quyết định thành lập, quy chế quản lý và vận hành được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Hàng năm, tổ chức hoặc tham gia tối thiểu từ 05 đến 07 hoạt động văn

²³ Quy định tại nội dung 2.16.6.3 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD.

²⁴ Điều 4, Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

²⁵ Công cộng như: Nhà văn hóa ấp, nhà truyền thống, câu lạc bộ, thư viện, trường học, trạm y tế, Trung tâm văn hóa, sân thể thao, cửa hàng dịch vụ trung tâm, điểm phục vụ bưu chính viễn thông (mục 2.16.6.1 TT 01/2017/TT-BXD).

hóa, văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động, thể dục, thể thao.

- Có từ 02 đến 04 đội, câu lạc bộ được thành lập và hoạt động thường xuyên.
- Có mô hình hoạt động thể thao tiêu biểu, thu hút đông đảo người dân thường trú trên địa bàn tham gia.

b) Hoạt động thư viện

- Tổ chức phục vụ nhu cầu của người dân: tối thiểu 03 ngày/tuần.
- Tổ chức các hoạt động truyền thông thư viện và phát triển văn hóa đọc: tối thiểu 03 hoạt động/năm.
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện; kết nối, liên thông với thư viện công cộng cấp thành phố.
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và các thiết chế văn hóa, giáo dục khác trên địa bàn tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân tại cơ sở.

- Tối thiểu 75% thôn có mô hình thư viện cộng đồng hoặc thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng hoặc không gian đọc, phòng đọc cơ sở đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định tại Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

c) Hoạt động Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và trong cộng đồng

- 100% Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn có ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật và 01 câu lạc bộ thể dục, thể thao hoạt động thường xuyên theo hướng dẫn của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, cụ thể:

+ CLB thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, được cấp có thẩm quyền công nhận và được hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ.

+ CLB được đầu tư trang thiết bị hoạt động phù hợp với loại hình hoạt động và hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn hợp pháp.

- 70% thôn có câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

d) Hoạt động tập luyện thể dục, thể thao

Có tối thiểu 35% hộ gia đình và 45% người dân trên địa bàn xã tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.

đ) Hồ sơ minh chứng về hoạt động văn hóa cơ sở

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện khoản 2.2 về hoạt động văn hóa cơ sở.

- *Cấp xã:*

+ Quyết định thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Thư viện công cộng cấp xã.

+ Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Thư viện công cộng cấp xã.

+ Kế hoạch hoạt động hằng năm của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Thư viện công cộng cấp xã.

- *Cấp thôn:*

+ Quyết định thành lập Nhà văn hóa-Khu thể thao và các CLB ở thôn, tổ dân phố.

+ Quy chế tổ chức và hoạt động Nhà văn hóa-Khu thể thao và các CLB thôn, tổ dân phố.

2.3. Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

a) Xây dựng và thực hiện Hương ước, quy ước ở thôn, tổ dân phố

- 100% hương ước, quy ước được xây dựng và thực hiện theo quy định pháp luật, có nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình.

b) Quản lý và tổ chức lễ hội

- 100% lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng và tổ chức đáp ứng điều kiện về môi trường văn hóa, hướng tới phát triển du lịch.

(Nếu trên địa bàn cấp xã không có lễ hội truyền thống, chỉ tiêu này không áp dụng để đánh giá).

c) Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa theo quy định

- Có 80% trở lên thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”

- “Thôn, tổ dân phố văn hóa” phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng đối với các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” (sau đây gọi tắt là Nghị định 86/2023/NĐ-CP); Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”; Điều 59 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 129/2025/NĐ-CP); Điều 6, Điều 8 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 152/2025/NĐ-CP); Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa.

d) Phòng, chống bạo lực gia đình

- Tỷ lệ số vụ bạo lực gia đình hàng năm được phát hiện, giải quyết theo quy định pháp luật đạt từ 95% trở lên.

- Có mô hình phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động hiệu quả (Theo hướng dẫn số 1467/BVHTTDL-GĐ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

d) Hồ sơ minh chứng về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả khoản 2.3 về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

- Danh mục hương ước, quy ước của các thôn, tổ dân phố được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận (*Ban hành kèm theo Quyết định của UBND cấp xã*).

- Danh mục lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng. (*Danh mục lễ hội truyền thống; Báo cáo đánh giá quá trình bảo tồn, phục dựng*)

- Quyết định tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” của Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

2.4. Về di sản văn hóa

a) Lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

- **Chỉ tiêu:** 100% di tích cấp quốc gia trở lên (*bao gồm di sản đã được UNESCO ghi danh, di tích quốc gia đặc biệt hoặc cụm di tích quốc gia tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý, có mối quan hệ mật thiết về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ*) trên địa bàn (nếu có) hoàn thành việc lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Điều 34, Luật Di sản văn hóa năm 2024.

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP.

- Giải thích từ ngữ:

+ Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích là quy hoạch chi tiết ngành, xác định nội dung và các biện pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi các yếu tố gốc của di tích, định hướng tổ chức không gian trong khu vực di tích, các hạng mục công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 28 của Luật Di sản văn hóa²⁶.

- Phương pháp đánh giá:

+ 100% di tích cấp quốc gia trở lên thuộc đối tượng phải lập quy hoạch đã

²⁶ **Khoản 1 và khoản 2 Điều 28 của Luật Di sản văn hóa quy định:**

“Điều 28. Sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình, thực hiện các hoạt động trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới

1. Trong khu vực bảo vệ I của di tích, khu vực di sản thế giới chỉ được sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình sau đây:

a) Sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình trực tiếp phục vụ bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di sản thế giới;

b) Sửa chữa, cải tạo, xây dựng lại nhà ở riêng lẻ trên cơ sở hiện trạng nhà ở riêng lẻ đã có.

2. Trong khu vực bảo vệ II của di tích, vùng đệm của khu vực di sản thế giới chỉ được sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình và thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình trực tiếp phục vụ bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di sản thế giới;

b) Sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ;

c) Sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình kinh tế - xã hội;

d) Sử dụng khu vực biên để thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

đ) Thực hiện hoạt động kinh tế - xã hội theo quy định của các luật chuyên ngành.”

có Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và Quyết định phê duyệt quy hoạch.

- Công thức tính tỷ lệ:

+ Tỷ lệ = Số di tích đã được lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch/Số di tích phải lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch *100%.

- Trường hợp không có di tích thuộc đối tượng phải lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trên địa bàn chỉ tiêu này không áp dụng để đánh giá.

- Thời điểm đánh giá: tính đến 31/12 năm xét công nhận.

- Hồ sơ minh chứng:

+ Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch; Hồ sơ công bố quy hoạch.

+ Trường hợp không có đối tượng phải lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích: Văn bản báo cáo, giải trình của UBND cấp xã²⁷.

+ Danh mục di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn thuộc đối tượng phải lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch di tích (Theo mẫu 2.1)

+ Các biểu mẫu, phụ lục đánh giá (nếu có):

Mẫu 2.1 - Danh mục di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn thuộc đối tượng phải lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch di tích.

TT	Tên di tích	Cấp xếp hạng di tích	Địa điểm	Quyết định xếp hạng	Có thuộc đối tượng phải lập Quy hoạch	Đã có nhiệm vụ quy hoạch	Đã có quy hoạch được phê duyệt?	Ghi chú
1	Đình làng A	Quốc gia	Thôn 1	123/QĐ-BVHTTDL ngày 10/5/2020	(Có/Không)	(Có/Không) - ghi số QĐ	(Có/Không) - ghi số QĐ	

b) Về tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích

- **Chỉ tiêu:** 95% di tích cấp quốc gia đặc biệt và 70% di tích cấp quốc gia trên địa bàn (nếu có) được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đáp ứng theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các điều kiện về môi trường.

- Điều 35, 36 Luật Di sản văn hóa năm 2024

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP.

- Thông tư số 06/2025/TT-BVHTTDL.

- Giải thích từ ngữ:

- Tu bổ di tích là hoạt động nhằm tu sửa, gia cố, tôn tạo nhưng không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

²⁷ Đối tượng phải lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích được quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Di sản văn hóa 2024.

- Tôn tạo di tích là hoạt động nhằm tăng cường khả năng sử dụng, khai thác và phát huy giá trị nhưng không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

- Phát huy giá trị di tích: Các hoạt động phát huy giá trị di tích được quy định tại Điều 26 Luật Di sản văn hóa²⁸.

- Phương pháp đánh giá:

- Có 95% di tích cấp quốc gia đặc biệt và 70% di tích cấp quốc gia trên địa bàn được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị.

- Trong quá trình tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm theo Điều 9 Luật Di sản văn hóa năm 2024.

- Trên địa bàn xã, nếu không có di tích quốc gia đặc biệt thì chỉ cần đạt 70% di tích quốc gia được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị. Nếu không có di tích quốc gia thì chỉ cần đạt 95% di tích quốc gia đặc biệt. Trường hợp không có cả di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt thì chỉ tiêu này không áp dụng để đánh giá.

- **Công thức tính tỷ lệ:** Tỷ lệ = Số di tích quốc gia (hoặc quốc gia đặc biệt) đã được tu bổ tôn tạo và phát huy/Tổng số di tích cấp quốc gia (hoặc quốc gia đặc biệt) trên địa bàn*100%.

- Hồ sơ minh chứng:

+ Danh mục di tích cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt trên địa bàn được tu bổ, tôn tạo và phát huy (Theo mẫu 2.2).

+ Văn bản báo cáo, giải trình của UBND cấp xã nếu không thuộc trường hợp có 95% di tích cấp quốc gia đặc biệt và 70% di tích cấp quốc gia trên địa bàn được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị.

+ Hồ sơ các di tích đã được tu bổ, tôn tạo và phát huy (Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; Văn bản thẩm định của cơ quan chuyên môn về di sản văn hóa (nếu thuộc diện phải thẩm định); Biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng).

+ Các biểu mẫu, phụ lục đánh giá (nếu có):

Mẫu 2.2 - Danh mục di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn được tu bổ, tôn tạo và phát huy.

TT	Tên di tích	Cấp xếp hạng	Địa điểm	Quyết định xếp hạng	Năm tu bổ, tôn tạo	Hạng mục tu bổ	Hình thức phát huy giá trị	Ghi chú
----	-------------	--------------	----------	---------------------	--------------------	----------------	----------------------------	---------

1	Đình làng A	Quốc gia	Thôn 1	123/QĐ- BVHTTDL ngày 10/5/2020	2025	Sân vườn, hàng rào, bia biển	(ví dụ: mở cửa tham quan, in tờ roi giới thiệu...).	
---	----------------	-------------	--------	---	------	------------------------------------	---	--

²⁸ **Điều 26. Hoạt động phát huy giá trị di tích**

Hoạt động phát huy giá trị di tích bao gồm:

1. Nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa về giá trị di tích; ứng dụng khoa học, công nghệ vào việc phát huy giá trị di tích;
2. Tuyên truyền, giáo dục, quảng bá, trưng bày, phổ biến, giới thiệu ở trong nước và nước ngoài về vai trò, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích;
3. Hướng dẫn, thuyết minh phục vụ khách tham quan;
4. Tổ chức hoặc liên doanh, liên kết tổ chức hoạt động du lịch, dịch vụ phục vụ công chúng tham quan, nghiên cứu, học tập tại di tích;
5. Phát triển sản phẩm, dịch vụ và tạo điều kiện để cộng đồng trên địa bàn có di tích tham gia phát triển sản phẩm, dịch vụ liên quan đến di tích;
6. Nghiên cứu, sưu tầm, trưng bày, giới thiệu tài liệu, hiện vật gắn với giá trị di tích;
7. Hoạt động văn hóa ở di tích; tổ chức thực hành, trình diễn, giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể gắn với di tích;
8. Trưng bày, triển lãm lưu động bên ngoài phạm vi di tích;
9. Hoạt động phát huy giá trị di tích khác theo quy định của pháp luật.

c) Chương trình giáo dục di sản văn hóa

- **Chỉ tiêu:** 100% di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) có chương trình giáo dục di sản văn hóa

- Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình tuyên truyền, học tập ngoại khóa để tìm hiểu giá trị về di sản văn hóa vật thể; di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu; giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- Thực hiện các chương trình trải nghiệm tìm hiểu về văn hóa, lịch sử địa phương và đất nước.

- Phương pháp đánh giá:

+ 100% di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) được xây dựng nội dung và tổ chức chương trình giáo dục di sản văn hóa²⁹.

²⁹ **Điều 26. Hoạt động phát huy giá trị di tích**

Hoạt động phát huy giá trị di tích bao gồm:

1. Nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa về giá trị di tích; ứng dụng khoa học, công nghệ vào việc phát huy giá trị di tích;
2. Tuyên truyền, giáo dục, quảng bá, trưng bày, phổ biến, giới thiệu ở trong nước và nước ngoài về vai trò, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích;
3. Hướng dẫn, thuyết minh phục vụ khách tham quan;
4. Tổ chức hoặc liên doanh, liên kết tổ chức hoạt động du lịch, dịch vụ phục vụ công chúng tham quan, nghiên cứu, học tập tại di tích;
5. Phát triển sản phẩm, dịch vụ và tạo điều kiện để cộng đồng trên địa bàn có di tích tham gia phát triển sản phẩm, dịch vụ liên quan đến di tích;
6. Nghiên cứu, sưu tầm, trưng bày, giới thiệu tài liệu, hiện vật gắn với giá trị di tích;

- Trường hợp trên địa bàn không có di tích được xếp hạng từ cấp quốc gia trở lên thì chỉ tiêu này không áp dụng để đánh giá.

- Hồ sơ minh chứng:

+ Báo cáo tóm tắt kết quả tổ chức Chương trình giáo dục di sản văn hóa ở địa phương (nêu rõ thời gian, địa điểm, đối tượng, số lượng người tham gia, nội dung).

+ Kế hoạch/Công văn triển khai Chương trình giáo dục di sản văn hóa và các văn bản khác có liên quan.

+ Ảnh, video minh họa (nếu có).

d) Tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Chỉ tiêu:

- Định kỳ hàng năm, cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa trên địa bàn (nếu có) được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa:

- Hàng năm tổ chức ít nhất 01 hoạt động tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa (nếu có); nội dung phù hợp thực tiễn địa phương; có tài liệu, hướng dẫn cụ thể.

- Giải thích từ ngữ:

+ Cộng đồng: là chủ thể văn hóa, vừa là người sáng tạo, lưu giữ, truyền dạy, vừa là người trực tiếp tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Trong lĩnh vực di sản văn hóa, “cộng đồng” không phải là toàn bộ dân cư trên địa bàn, mà được hiểu theo nghĩa cộng đồng gắn bó trực tiếp với di sản, bao gồm:

+ Cộng đồng cư dân địa phương nơi có di sản (thôn, tổ dân phố...).

Nhóm người thực hành, gìn giữ di sản, đặc biệt với di sản văn hóa phi vật thể (nghệ nhân, người truyền dạy, dòng họ, phường hội...).

+ Các tổ chức cộng đồng tự quản liên quan đến di sản (Ban Quản lý di tích, Hội đồng hương ước, dòng họ, giáo xứ...).

+ Chủ sở hữu di sản văn hóa: Là các tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu hợp pháp đối với di sản văn hóa.

- Phương pháp đánh giá:

+ Hàng năm tổ chức ít nhất 01 hoạt động tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa (nếu có); nội dung phù hợp thực tiễn địa phương; có tài liệu, hướng dẫn cụ thể.

7. Hoạt động văn hóa ở di tích; tổ chức thực hành, trình diễn, giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể gắn với di tích;

8. Trưng bày, triển lãm lưu động bên ngoài phạm vi di tích;

9. Hoạt động phát huy giá trị di tích khác theo quy định của pháp luật.

Xã có thể xây dựng một chương trình giáo dục di sản chung cho tất cả di tích trên địa bàn, miễn là nội dung bao quát được giá trị của từng di tích. Chương trình có thể lồng ghép vào hoạt động ngoại khóa của trường học hoặc sinh hoạt cộng đồng.

- Nếu trên địa bàn không có di sản văn hóa hoặc không có cộng đồng/chủ thể liên quan thì chỉ tiêu này không áp dụng để đánh giá.

- Hồ sơ minh chứng:

- + Báo cáo kết quả triển khai tiêu chí
- + Kế hoạch, Thông báo triệu tập tập huấn hàng năm của cấp có thẩm quyền
- + Tài liệu tập huấn.

đ) Thực hành, truyền dạy trong gia đình và tổ chức truyền dạy trong cộng đồng đối với di sản văn hóa phi vật thể

- **Chỉ tiêu:** Định kỳ hàng năm, di sản văn hóa phi vật thể của địa phương được thực hành, truyền dạy trong gia đình và tổ chức truyền dạy trong cộng đồng, với sự tham gia của Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể di sản ít nhất 01 lần/năm.

- Đối với địa phương không có di sản văn hóa phi vật thể thì UBND cấp xã phải có biên bản với cơ quan chuyên môn về văn hóa thành phố rà soát, khẳng định tại địa phương không có di sản văn hóa phi vật thể.

(Nếu địa phương không có di sản văn hóa phi vật thể, chỉ tiêu này không áp dụng để đánh giá).

- Hồ sơ minh chứng về thực hành, truyền dạy trong gia đình và tổ chức truyền dạy trong cộng đồng đối với di sản văn hóa phi vật thể:

- + Kế hoạch, thông báo triệu tập tập huấn hàng năm
- + Bản sao danh sách, số lượng người tham gia (Có chữ ký).
- + Tài liệu tập huấn.
- + Báo cáo kết quả tập huấn.

2.5. Về chuyển đổi số, dữ liệu số

a) Hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã được tin học hóa, chuyển đổi số.

- Văn bản được xử lý trên môi trường mạng.
- Tuyên truyền qua nền tảng số.
- Số hóa dữ liệu quản lý.
- Ứng dụng mã QR.
- Báo cáo định kỳ số.

- Hồ sơ minh chứng về chuyển đổi số, dữ liệu số:

+ Báo cáo trích xuất danh sách văn bản đi/đến lĩnh vực văn hóa từ phần mềm quản lý văn bản HpNet có chữ ký số.

- Ảnh chụp màn hình các bài đăng về văn hóa, nghệ thuật trên Trang thông tin điện tử xã hoặc các nhóm Zalo cộng đồng.

- File dữ liệu danh sách quản lý: Gia đình văn hóa; Di tích; Nghệ nhân; Các CLB văn nghệ trên địa bàn.

- Ảnh chụp thực tế bảng mã QR Code (niêm yết tại Nhà văn hóa hoặc Di tích) dùng để tra cứu thông tin văn hóa địa phương.

- Ảnh chụp màn hình hoặc vận hành thực tế việc gửi báo cáo văn hóa trên Hệ thống thông tin báo cáo của thành phố.

b) 100% các đơn vị hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn xã được tin học hóa, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ.

- Hồ sơ minh chứng về chuyển đổi số, dữ liệu số:

+ Báo cáo về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của các thiết chế văn hóa cấp xã và thôn (Kèm ảnh chụp tivi/máy tính/modem Wi-Fi tại các Nhà văn hóa cấp xã, thôn; ảnh chụp màn hình các nhóm hoạt động bằng ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử (qua Zalo, Facebook, các trang mạng xã hội khác (nếu có)) của 01-02 CLB văn nghệ tiêu biểu).

+ Danh sách các thiết bị văn hóa tại Trung tâm Văn hóa- Thể thao xã, Nhà văn hóa thôn được quản lý bằng dữ liệu trên hệ thống máy vi tính.

c) Xã có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và 100% thôn, tổ dân phố có cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin -viễn thông hoạt động.

- Giải thích từ ngữ:

+ Hệ thống truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông là đài truyền thanh cấp xã sử dụng phương thức truyền đưa tín hiệu âm thanh, dữ liệu trên hạ tầng viễn thông, Internet.

+ Cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin -viễn thông là một thành phần của hệ thống truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, được thiết kế để thu, phát các bản tin số thông qua hạ tầng viễn thông, Internet; kết nối với hệ thống thông tin nguồn thành phố để quản lý tập trung; được lắp đặt theo điều kiện thực tế để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân ở cơ sở

- Phương pháp đánh giá:

+ Xã có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông
+ 100% thôn, tổ dân phố có cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động.

- Hồ sơ minh chứng:

+ Báo cáo thống kê hiện trạng hoạt động hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông ở địa phương (địa điểm cụm thu, số lượng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động).

+ Kế hoạch đầu tư, lắp đặt, nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và các văn bản khác có liên quan.

2.6. Về nhân lực quản lý văn hóa

- Tiêu chí:

- 100% cán bộ nghiệp vụ, cộng tác viên, người tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao, thư viện cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.

- 100% người quản lý trực tiếp di sản văn hóa trên địa bàn xã được tập huấn về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Hồ sơ minh chứng về nhân lực quản lý văn hóa:

+ Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện các nội dung khoản 2.6 về nhân lực quản lý văn hóa.

+ Danh sách lực lượng văn hóa, thể thao cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, có xác nhận của UBND cấp xã.

B. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phòng Quản lý văn hóa và Gia đình là cơ quan đầu mối, chủ trì hướng dẫn cơ quan, đơn vị, các xã trên địa bàn thành phố triển khai thực hiện các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

- Phòng Quản lý Thể dục Thể thao, Phòng Quản lý Di sản văn hoá, Phòng Quản lý Xuất bản và Báo chí, Văn phòng Sở và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể các xã trên địa bàn thành phố xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu liên quan đến lĩnh vực quản lý, phụ trách.

2. Ủy ban nhân dân các xã, đặc khu

- Kịp thời và sớm thực hiện công tác rà soát, đánh giá hiện trạng thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch theo Hướng dẫn này; xây dựng Kế hoạch, lộ trình cụ thể để thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu, đảm bảo đạt các tiêu chí, chỉ tiêu để đạt chuẩn xã nông thôn mới theo quy định.

- Quan tâm phân bổ kinh phí, nguồn lực hằng năm và giai đoạn để thực hiện hoàn thành, đạt các tiêu chí, chỉ tiêu về văn hóa, thể thao và du lịch theo lộ trình đặt ra.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan trong xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. Kịp thời có kiến nghị, đề xuất đối với các nội dung vướng mắc, khó khăn về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tháo gỡ hoặc báo cáo cấp trên theo quy định.

- Xây dựng hồ sơ đề nghị thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới đối với tiêu chí, chỉ tiêu văn hóa gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình) trước 15 ngày (bằng bản giấy hoặc bản scan trên hệ thống) để các Phòng chuyên môn thẩm định, hướng dẫn để bổ sung, điều

chính và hoàn thiện hồ sơ trước khi Tổ công tác thẩm định thực tế.

- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để rà soát, điều chỉnh³⁰

Nơi nhận:

- UBND TP;
- Sở NN&MT;
- VP điều phối NTM TP;
- GD, các PGD Sở;
- Văn phòng Sở;
- Các phòng: QLTDĐT, QLBCXB, KHTC;
- Các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, QLVHGD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Khắc Lịch

³⁰ Số điện thoại đầu mối liên hệ công tác:

- Đ/c Vũ Phương Thảo - PTP Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình: 0983.121.178

Phụ lục
YÊU CẦU ĐẠT CHUẨN CỦA CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU
DO CẤP THÀNH PHỐ QUY ĐỊNH
(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-SVHTTDL ngày tháng 7 năm 2026
của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu với từng nhóm xã		Cơ quan phụ trách
			Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	
Văn hóa, Giáo dục, Y tế	Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	- Cơ sở vật chất văn hóa đảm bảo theo quy định, trong đó 100% thôn có Nhà văn hóa - Khu thể thao trong đó tối thiểu 70% đạt chuẩn, 100% khu đô thị mới có Nhà văn hóa - Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định; 100% thôn có điểm sinh hoạt cộng đồng được lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em. - Hoạt động văn hoá cơ sở đảm bảo theo quy định, trong đó tối thiểu 04 hoạt động truyền thông thư viện và phát triển văn hóa đọc mỗi năm. - Đảm bảo quy định về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, trong đó: tối thiểu 85% số thôn đạt danh hiệu văn hóa; tối thiểu 98% vụ bạo lực gia đình hàng năm được phát hiện, giải quyết theo quy định pháp luật. - Đảm bảo quy định về di sản văn hóa, trong đó định kỳ hàng năm, cộng đồng, chủ sở hữu di sản trên địa bàn (nếu có) được tham gia từ 01- 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; Định kỳ hàng năm, di sản văn hóa phi vật thể	- Cơ sở vật chất văn hóa đảm bảo theo quy định, trong đó 100% thôn có Nhà văn hóa - Khu thể thao trong đó tối thiểu 70% đạt chuẩn; tối thiểu 80% thôn có điểm sinh hoạt cộng đồng được lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em. - Hoạt động văn hoá cơ sở đảm bảo theo quy định, trong đó tối thiểu 03 hoạt động truyền thông thư viện và phát triển văn hóa đọc mỗi năm. - Đảm bảo quy định về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, trong đó: tối thiểu 80% số thôn đạt danh hiệu văn hóa; tối thiểu 95% vụ bạo lực gia đình hàng năm được phát hiện, giải quyết theo quy định pháp luật. - Đảm bảo quy định về di sản văn hóa, trong đó định kỳ hàng năm, cộng đồng, chủ sở hữu di sản trên địa bàn (nếu có) được tham gia từ 01- 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; Định kỳ hàng năm, di sản văn hóa phi vật thể	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

			của địa phương (nếu có) được thực hành, truyền dạy trong gia đình và tổ chức từ 02-03 hoạt động truyền dạy trong cộng đồng, với sự tham gia của Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể di sản. - Chuyển đổi số, dữ liệu số đảm bảo quy định. - Nhân lực quản lý văn hóa đảm bảo theo quy định.	của địa phương (nếu có) được thực hành, truyền dạy trong gia đình và tổ chức từ 01-02 hoạt động truyền dạy trong cộng đồng, với sự tham gia của Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể di sản. - Chuyển đổi số, dữ liệu số đảm bảo quy định. - Nhân lực quản lý văn hóa đảm bảo theo quy định.	
--	--	--	--	--	--